

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 58/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23-7-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Ông Bùi Kim Châu Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02/7/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Lâm Tuyết T, sinh năm 1994; thường trú phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Trần Việt Thái D, sinh năm 1994; thường trú khu phố C, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

(Chị Trịnh Lâm Tuyết T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Trần Việt Thái D vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trịnh Lâm Tuyết T trình bày:

Chị Trịnh Lâm Tuyết T và anh Trần Việt Thái D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018 có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2019 ngày 13/2/2019.

Sau khi kết hôn, chị T và anh D sinh sống tại nhà mẹ ruột của chị T tại phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; sau đó chuyển về Bình Dương sinh sống. Chị T làm nhân viên văn phòng, tiền lương mỗi tháng khoảng 6.500.000 đồng, anh D làm công việc tự do, thu nhập không ổn định. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng chỉ vài tháng sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh D không có trách nhiệm với gia đình, anh D ham chơi, không lo làm ăn, nhiều lần lừa dối chị T, vay nợ khắp nơi để sử dụng cho riêng bản thân, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên chị T và anh D đã ly thân từ tháng 3/2019 cho đến nay. Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Việt Thái D.

Về con chung: Chị T và anh D có 01 con chung là Trần Ngọc Tú Quyên, sinh ngày 15/4/2019, hiện tại con đang ở với chị T. Sau ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Trần Việt Thái D:* Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn để làm việc, viết bản tự khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, bị đơn cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Ngày 08/6/2020, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Trịnh Lâm Tuyết T và anh Trần Việt Thái D tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường D và được cung cấp như sau:* Hội Liên hiệp phụ nữ phường D không nhận được đơn đề nghị hòa giải quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Lâm Tuyết T và anh Trần Việt Thái D. Đồng thời Hội Liên hiệp phụ nữ phường D cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó không biết rõ giữa hai anh chị có mâu thuẫn như thế nào, vấn đề con chung, công việc và thu nhập Hội Liên hiệp phụ nữ phường D cũng không biết nên không cung cấp được thông tin cho Tòa án.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Trịnh Lâm Tuyết T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Trần Việt Thái D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Lâm Tuyết T và anh Trần Việt Thái D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2019, ngày 13/2/2019 đúng với quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Nguyên đơn chị Trịnh Lâm Tuyết T cho rằng quá trình chung sống giữa vợ chồng phật sinh mâu thuẫn do anh D không có trách nhiệm, ham chơi, không lo làm ăn, nhiều lần lừa dối chị T, vay nợ khắp nơi để sử dụng cho riêng bản thân, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, chị T và anh D đã ly thân từ tháng 3/2019 cho đến nay.

Xét thấy, Tòa án đã triệu tập anh Trần Việt Thái D có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến nhằm hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh D không đến và cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai bên đều không muốn hàn gắn. Vì vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Trịnh Lâm Tuyết T và anh Trần Việt Thái D có một con chung là Trần Ngọc Tú U, sinh ngày 15/4/2019. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Tòa án đã triệu tập anh D để trình bày ý kiến về con chung nhưng anh D vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng. Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con...trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi...”*. Xét cháu Trần Ngọc Tú U còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, cháu đang sống ổn định với chị T nên cần giao cháu U cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Nghĩa vụ nuôi con là của cả cha lẫn mẹ, khi ly hôn, người không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Căn cứ quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi xem xét điều kiện thực tế của các bên và nhu cầu thiết yếu của con chung ở độ tuổi nêu trên thì thấy mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về quan điểm giải quyết vụ án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Lâm Tuyết T phải chịu án phí lý hôn, anh Trần Việt Thái D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T L âm Tuyết T đối với bị đơn anh Trần Việt Thái D về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Lâm Tuyết T được ly hôn với anh Trần Việt Thái D (Giấy chứng nhận kết hôn số 26/2019, ngày 13/2/2019 do Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp).

- Về con chung: Giao con chung Trần Ngọc Tú U, sinh ngày 15/4/2019 cho chị Trịnh Lâm Tuyết T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Việt Thái D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau ly hôn, anh Trần Việt Thái D có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, chị Trịnh Lâm Tuyết T không được cản trở anh Trần Việt Thái D thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí

- Chị Trịnh Lâm Tuyết T phải chịu 300.000 đồng án phí lý hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm

ứng án ph í lệ ph í Tòa án số 0040194 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Anh Trần Việt Th ấ D phải chịu 300.000 đồng án ph í cấp dưỡng nuôi con.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Dĩ An;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Trang